

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH

Năm 2025

Đơn vị: Trường THPT Cẩm Lệ

Cấp ngân sách: Cấp tỉnh

Phần I - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ:

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	NỘI DUNG	TỔNG SỐ			LOẠI TỔNG HỢP		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	TỔNG LOẠI TỔNG HỢP		
					Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC THUỘC NGÂN SÁCH CẤP TỈNH						
101	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (101=102+105)						
102	Kinh phí được giao tự chủ (102=103+104)						
103	- Kinh phí đã nhận						
104	- Dự toán còn dư ở Kho bạc						
105	Kinh phí không được giao tự chủ (105=106+107)						
106	- Kinh phí đã nhận						
107	- Dự toán còn dư ở Kho bạc						
108	Dự toán được giao trong năm (108=109+110)	18.899.112.531	18.899.112.531		18.899.112.531	18.899.112.531	
109	- Kinh phí được giao tự chủ	16.727.548.000	16.727.548.000		16.727.548.000	16.727.548.000	
109.1	+ Dự toán giao đầu năm						
109.2	+ Dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm						
110	- Kinh phí không được giao tự chủ	2.171.564.531	2.171.564.531		2.171.564.531	2.171.564.531	
110.1	+ Dự toán giao đầu năm						
110.2	+ Dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm						
111	Tổng số được sử dụng trong năm (111=112+ 113)	18.899.112.531	18.899.112.531		18.899.112.531	18.899.112.531	

CHỈ TIÊU	NỘI DUNG	LOẠI TỔNG HỢP		
		KHOẢN: TỔNG HỢP		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	7	8	9=8-7
	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			
	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC THUỘC NGÂN SÁCH CẤP TỈNH			
101	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (101=102+105)			
102	Kinh phí được giao tự chủ (102=103+104)			
103	- Kinh phí đã nhận			
104	- Dự toán còn dư ở Kho bạc			
105	Kinh phí không được giao tự chủ (105=106+107)			
106	- Kinh phí đã nhận			
107	- Dự toán còn dư ở Kho bạc			
108	Dự toán được giao trong năm (108=109+110)	18.899.112.531	18.899.112.531	
109	- Kinh phí được giao tự chủ	16.727.548.000	16.727.548.000	
109.1	+ Dự toán giao đầu năm			
109.2	+ Dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm			
110	- Kinh phí không được giao tự chủ	2.171.564.531	2.171.564.531	
110.1	+ Dự toán giao đầu năm			
110.2	+ Dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm			
111	Tổng số được sử dụng trong năm (111=112+ 113)	18.899.112.531	18.899.112.531	

CHỈ TIÊU	NỘI DUNG	TỔNG SỐ			LOẠI TỔNG HỢP		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	TỔNG LOẠI TỔNG HỢP		
					Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
112	- Kinh phí được giao tự chủ (112=102+109)	16.727.548.000	16.727.548.000		16.727.548.000	16.727.548.000	
113	- Kinh phí không được giao tự chủ (113=105+110)	2.171.564.531	2.171.564.531		2.171.564.531	2.171.564.531	
114	Kinh phí thực nhận trong năm (114=115+116)	18.661.184.778	18.661.184.778		18.661.184.778	18.661.184.778	
115	- Kinh phí được giao tự chủ	16.627.548.000	16.627.548.000		16.627.548.000	16.627.548.000	
116	- Kinh phí không được giao tự chủ	2.033.636.778	2.033.636.778		2.033.636.778	2.033.636.778	
117	Kinh phí đề nghị quyết toán (117=118+119)	18.661.184.778	18.661.184.778		18.661.184.778	18.661.184.778	
118	- Kinh phí được giao tự chủ	16.627.548.000	16.627.548.000		16.627.548.000	16.627.548.000	
119	- Kinh phí không được giao tự chủ	2.033.636.778	2.033.636.778		2.033.636.778	2.033.636.778	
120	Kinh phí giảm trong năm (120=121+125)	137.927.753	137.927.753		137.927.753	137.927.753	
121	Kinh phí được giao tự chủ (121= 122+123+124)						
122	- Đã nộp NSNN						
123	- Còn phải nộp NSNN (123=103+115-118-122-131)						
124	- Dự toán bị huỷ (124=104+109-115-132)						
125	Kinh phí không được giao tự chủ (125=126+127+128)	137.927.753	137.927.753		137.927.753	137.927.753	
126	- Đã nộp NSNN						
127	- Còn phải nộp NSNN (127=106+116-119-126-134)						
128	- Dự toán bị huỷ (128=107+110-116-135)	137.927.753	137.927.753		137.927.753	137.927.753	
129	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (129=130+133)	100.000.000	100.000.000		100.000.000	100.000.000	
130	Kinh phí được giao tự chủ (130=131+132)	100.000.000	100.000.000		100.000.000	100.000.000	
131	- Kinh phí đã nhận						
132	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	100.000.000	100.000.000		100.000.000	100.000.000	
133	Kinh phí không được giao tự chủ (133=134+135)						
134	- Kinh phí đã nhận						
135	- Dự toán còn dư ở Kho bạc						

CHỈ TIÊU	NỘI DUNG	LOẠI TỔNG HỢP		
		KHOẢN: TỔNG HỢP		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	7	8	9=8-7
112	- Kinh phí được giao tự chủ (112=102+109)	16.727.548.000	16.727.548.000	
113	- Kinh phí không được giao tự chủ (113=105+110)	2.171.564.531	2.171.564.531	
114	Kinh phí thực nhận trong năm (114=115+116)	18.661.184.778	18.661.184.778	
115	- Kinh phí được giao tự chủ	16.627.548.000	16.627.548.000	
116	- Kinh phí không được giao tự chủ	2.033.636.778	2.033.636.778	
117	Kinh phí đề nghị quyết toán (117=118+119)	18.661.184.778	18.661.184.778	
118	- Kinh phí được giao tự chủ	16.627.548.000	16.627.548.000	
119	- Kinh phí không được giao tự chủ	2.033.636.778	2.033.636.778	
120	Kinh phí giảm trong năm (120=121+125)	137.927.753	137.927.753	
121	Kinh phí được giao tự chủ (121= 122+123+124)			
122	- Đã nộp NSNN			
123	- Còn phải nộp NSNN (123=103+115-118-122-131)			
124	- Dự toán bị hủy (124=104+109-115-132)			
125	Kinh phí không được giao tự chủ (125=126+127+128)	137.927.753	137.927.753	
126	- Đã nộp NSNN			
127	- Còn phải nộp NSNN (127=106+116-119-126-134)			
128	- Dự toán bị hủy (128=107+110-116-135)	137.927.753	137.927.753	
129	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (129=130+133)	100.000.000	100.000.000	
130	Kinh phí được giao tự chủ (130=131+132)	100.000.000	100.000.000	
131	- Kinh phí đã nhận			
132	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	100.000.000	100.000.000	
133	Kinh phí không được giao tự chủ (133=134+135)			
134	- Kinh phí đã nhận			
135	- Dự toán còn dư ở Kho bạc			

CHỈ TIÊU	NỘI DUNG	TỔNG SỐ			LOẠI TỔNG HỢP		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	TỔNG LOẠI TỔNG HỢP		
					Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ						
136	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (136=137+138)						
137	<i>Số dư kinh phí năm trước được giao dự toán nhưng chưa đủ điều kiện quyết toán chuyển sang</i>						
138	<i>Số dư kinh phí năm trước đã nhận nhưng chưa được giao dự toán chuyển sang</i>						
139	Dự toán được giao trong năm						
139.1	+ Dự toán giao đầu năm						
139.2	+ Dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm						
140	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (140=141+142)						
141	- Số đã ghi thu, ghi chi						
142	- Số chưa thực hiện ghi thu, ghi chi						
143	Kinh phí được sử dụng trong năm (143=136+140)						
144	Kinh phí đề nghị quyết toán						
145	Kinh phí giảm trong năm						
146	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (146=143-144-145=147+148)						
147	<i>Số dư kinh phí đã được giao dự toán nhưng chưa đủ điều kiện quyết toán chuyển sang năm sau</i>						
148	<i>Số dư kinh phí đã nhận nhưng chưa được giao dự toán chuyển sang năm sau</i>						
	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI						
149	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (149=150+151)						
150	- Kinh phí đã ghi tạm ứng						
151	- Số dư dự toán						
152	Dự toán được giao trong năm						
152.1	+ Dự toán giao đầu năm						

CHỈ TIÊU	NỘI DUNG	LOẠI TỔNG HỢP		
		KHOẢN: TỔNG HỢP		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	7	8	9=8-7
	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ			
136	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (136=137+138)			
137	<i>Số dư kinh phí năm trước được giao dự toán nhưng chưa đủ điều kiện quyết toán chuyển sang</i>			
138	<i>Số dư kinh phí năm trước đã nhận nhưng chưa được giao dự toán chuyển sang</i>			
139	Dự toán được giao trong năm			
139.1	+ Dự toán giao đầu năm			
139.2	+ Dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm			
140	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (140=141+142)			
141	- Số đã ghi thu, ghi chi			
142	- Số chưa thực hiện ghi thu, ghi chi			
143	Kinh phí được sử dụng trong năm (143=136+140)			
144	Kinh phí đề nghị quyết toán			
145	Kinh phí giảm trong năm			
146	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (146=143-144-145=147+148)			
147	<i>Số dư kinh phí đã được giao dự toán nhưng chưa đủ điều kiện quyết toán chuyển sang năm sau</i>			
148	<i>Số dư kinh phí đã nhận nhưng chưa được giao dự toán chuyển sang năm sau</i>			
	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI			
149	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (149=150+151)			
150	- Kinh phí đã ghi tạm ứng			
151	- Số dư dự toán			
152	Dự toán được giao trong năm			
152.1	+ Dự toán giao đầu năm			

CHỈ TIÊU	NỘI DUNG	TỔNG SỐ			LOẠI TỔNG HỢP		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	TỔNG LOẠI TỔNG HỢP		
					Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
152.2	+ Dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm						
153	Tổng số được sử dụng trong năm (153=149+152)						
154	Tổng kinh phí từ nguồn vay đã nhận trong năm (154=155+156)						
155	- Số đã hạch toán tạm ứng NSNN						
156	- Số đã hạch toán ghi chi NSNN						
157	Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán						
158	Kinh phí giảm trong năm (158=159+160+161)						
159	- Đã nộp NSNN						
160	- Còn phải nộp NSNN (160=150+154-157-159-163)						
161	- Dự toán bị hủy (161=151+152-154-164)						
162	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (162=163+164)						
163	- Kinh phí đã ghi tạm ứng						
164	- Số dư dự toán						
165	Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN						
	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI						
166	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (166=167+168+169)						
167	- Kinh phí được giao tự chủ						
168	- Kinh phí không được giao tự chủ						
169	- Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán chi						
170	Dự toán được giao trong năm (170=171+172)						
171	- Kinh phí được giao tự chủ						
171.1	+ Dự toán giao đầu năm						
171.2	+ Dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm						

CHỈ TIÊU	NỘI DUNG	LOẠI TỔNG HỢP		
		KHOẢN: TỔNG HỢP		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	7	8	9=8-7
152.2	+ Dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm			
153	Tổng số được sử dụng trong năm (153=149+152)			
154	Tổng kinh phí từ nguồn vay đã nhận trong năm (154=155+156)			
155	- Số đã hạch toán tạm ứng NSNN			
156	- Số đã hạch toán ghi chi NSNN			
157	Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán			
158	Kinh phí giảm trong năm (158=159+160+161)			
159	- Đã nộp NSNN			
160	- Còn phải nộp NSNN (160=150+154-157-159-163)			
161	- Dự toán bị hủy (161=151+152-154-164)			
162	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (162=163+164)			
163	- Kinh phí đã ghi tạm ứng			
164	- Số dư dự toán			
165	Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN			
	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI			
166	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (166=167+168+169)			
167	- Kinh phí được giao tự chủ			
168	- Kinh phí không được giao tự chủ			
169	- Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán chi			
170	Dự toán được giao trong năm (170=171+172)			
171	- Kinh phí được giao tự chủ			
171.1	+ Dự toán giao đầu năm			
171.2	+ Dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm			

CHỈ TIÊU	NỘI DUNG	TỔNG SỐ			LOẠI TỔNG HỢP		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	TỔNG LOẠI TỔNG HỢP		
					Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
172	- Kinh phí không được giao tự chủ						
172.1	+ Dự toán giao đầu năm						
172.2	+ Dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm						
173	Số thu được trong năm (173=174+175+176)						
174	- Kinh phí được giao tự chủ						
175	- Kinh phí không được giao tự chủ						
176	- Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán chi						
177	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (177=178+179)						
178	- Kinh phí được giao tự chủ (178=167+174)						
179	- Kinh phí không được giao tự chủ (179=168+175)						
180	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (180=181+182)						
181	- Kinh phí được giao tự chủ						
182	- Kinh phí không được giao tự chủ						
183	Kinh phí giảm trong năm (183=184+187+190)						
184	Kinh phí được giao tự chủ (184=185+186)						
185	- Đã nộp NSNN						
186	- Còn phải nộp NSNN						
187	Kinh phí không được giao tự chủ (187=188+189)						
188	- Đã nộp NSNN						
189	- Còn phải nộp NSNN						
190	Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán chi (190=191 + 192)						
191	- Đã nộp NSNN						
192	- Còn phải nộp NSNN						
193	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (193= 194+195+196)						

CHỈ TIÊU	NỘI DUNG	LOẠI TỔNG HỢP		
		KHOẢN: TỔNG HỢP		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	7	8	9=8-7
172	- Kinh phí không được giao tự chủ			
172.1	+ Dự toán giao đầu năm			
172.2	+ Dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm			
173	Số thu được trong năm (173=174+175+176)			
174	- Kinh phí được giao tự chủ			
175	- Kinh phí không được giao tự chủ			
176	- Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán chi			
177	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (177=178+179)			
178	- Kinh phí được giao tự chủ (178=167+174)			
179	- Kinh phí không được giao tự chủ (179=168+175)			
180	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (180=181+182)			
181	- Kinh phí được giao tự chủ			
182	- Kinh phí không được giao tự chủ			
183	Kinh phí giảm trong năm (183=184+187+190)			
184	Kinh phí được giao tự chủ (184=185+186)			
185	- Đã nộp NSNN			
186	- Còn phải nộp NSNN			
187	Kinh phí không được giao tự chủ (187=188+189)			
188	- Đã nộp NSNN			
189	- Còn phải nộp NSNN			
190	Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán chi (190=191 + 192)			
191	- Đã nộp NSNN			
192	- Còn phải nộp NSNN			
193	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (193= 194+195+196)			

CHỈ TIÊU	NỘI DUNG	TỔNG SỐ			LOẠI TỔNG HỢP		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	TỔNG LOẠI TỔNG HỢP		
					Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
194	- Kinh phí được giao tự chủ (194=178-181-184)						
195	- Kinh phí không được giao tự chủ (195=179-182- 187)						
196	- Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán chi						
	NGUỒN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ						
197	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (197=198+199)						
198	- Kinh phí được giao tự chủ						
199	- Kinh phí không được giao tự chủ						
200	Dự toán được giao trong năm (200=201+202)						
201	- Kinh phí được giao tự chủ						
201.1	+ Dự toán giao đầu năm						
201.2	+ Dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm						
202	- Kinh phí không được giao tự chủ						
202.1	+ Dự toán giao đầu năm						
202.2	+ Dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm						
203	Số thu được trong năm (203=204+205)						
204	- Kinh phí được giao tự chủ						
205	- Kinh phí không được giao tự chủ						
206	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (206=207+208)						
207	- Kinh phí được giao tự chủ (207= 198+204)						
208	- Kinh phí không được giao tự chủ (208=199+205)						
209	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (209=210+211)						
210	- Kinh phí được giao tự chủ						
211	- Kinh phí không được giao tự chủ						
212	Kinh phí giảm trong năm (212=213+214)						

CHỈ TIÊU	NỘI DUNG	LOẠI TỔNG HỢP		
		KHOẢN: TỔNG HỢP		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	7	8	9=8-7
194	- Kinh phí được giao tự chủ (194=178-181-184)			
195	- Kinh phí không được giao tự chủ (195=179-182- 187)			
196	- Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán chi			
	NGUỒN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ			
197	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (197=198+199)			
198	- Kinh phí được giao tự chủ			
199	- Kinh phí không được giao tự chủ			
200	Dự toán được giao trong năm (200=201+202)			
201	- Kinh phí được giao tự chủ			
201.1	+ Dự toán giao đầu năm			
201.2	+ Dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm			
202	- Kinh phí không được giao tự chủ			
202.1	+ Dự toán giao đầu năm			
202.2	+ Dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm			
203	Số thu được trong năm (203=204+205)			
204	- Kinh phí được giao tự chủ			
205	- Kinh phí không được giao tự chủ			
206	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (206=207+208)			
207	- Kinh phí được giao tự chủ (207= 198+204)			
208	- Kinh phí không được giao tự chủ (208=199+205)			
209	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (209=210+211)			
210	- Kinh phí được giao tự chủ			
211	- Kinh phí không được giao tự chủ			
212	Kinh phí giảm trong năm (212=213+214)			

CHỈ TIÊU	NỘI DUNG	TỔNG SỐ			LOẠI TỔNG HỢP		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	TỔNG LOẠI TỔNG HỢP		
					Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
213	- Kinh phí được giao tự chủ						
214	- Kinh phí không được giao tự chủ						
215	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (215=216+217)						
216	- Kinh phí được giao tự chủ (216=207-210-213)						
217	- Kinh phí không được giao tự chủ (217=208-211- 214)						

CHỈ TIÊU	NỘI DUNG	LOẠI TỔNG HỢP		
		KHOẢN: TỔNG HỢP		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	7	8	9=8-7
213	- Kinh phí được giao tự chủ			
214	- Kinh phí không được giao tự chủ			
215	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (215=216+217)			
216	- Kinh phí được giao tự chủ (216=207-210-213)			
217	- Kinh phí không được giao tự chủ (217=208-211- 214)			